TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Tám.

2. Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ thị Bích N, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 20/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Võ Thị Bích N trình bày: Bà Võ Thị Bích N và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2014. Đến ngày 28/5/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đông. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên cải nhau. Vào khoảng năm 2017 do ông Đ đuổi bà đi khỏi nhà nên bà đưa con về nhà cha mẹ ruột của bà sinh sống, kể từ năm 2017 bà và ông Đ không còn chung sống với nhau đến nay. Bà N xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông Đ không còn tình cảm với nhau, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà Võ Thị Bích N và ông Nguyễn Văn Đ có một người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/01/2015, hiện nay con chung đang sống

với bà N. Bà N yêu cầu được quyền nuôi con. Không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Tại tờ tường trình ngày 06/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Ông và bà Võ Thị Bích N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cải nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, bà N nói ông đuổi ra khỏi nhà là không đúng, sau khi mâu thuẫn thì bà N đưa con bỏ đi nên ông và bà N không còn sống chung đến nay là hơn 02 năm. Nay bà Như yêu cầu ly hôn, ông Đ không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ con, nhưng do bà N kiên quyết ly hôn với ông nên ông không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà N.

- Về con chung: Ông Đ và bà N có một người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/01/2015, hiện nay con chung đang sống với bà N, vì khi bà N bỏ đi thì có đưa con đi theo. Trong thời gian bà N nuôi con thì chi phí nuôi con là bà N lo, ông Đ chỉ có qua thăm con và mua sữa cho con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà N kiên quyết nuôi con thì yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Bích N; Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Bích N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/01/2015 đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Bích N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ kiện của bà Võ Thị Bích N với ông Nguyễn Văn Đ là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bà Võ Thị Bích N với ông

Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2014, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, hôn nhân giữa bà Võ Thị Bích N với ông Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ, vì bà N cho rằng không còn tình cảm với ông Đ, giữa bà và ông Đ không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Ông Đ không đồng ý ly hôn, vì ông Đ cho rằng còn thương vợ, nhưng ông Đ thừa nhận kể từ khi bà N cùng con bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà N sinh sống thì vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, cuộc sống ai nấy lo, không quan tâm lẫn nhau, ông cũng không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, giữa bà N và ông Đ không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không thể hòa thuận. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Võ Thị Bích N với ông Nguyễn Văn Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Bích N.

[2] Về con chung: Bà Võ Thị Bích N với ông Nguyễn Văn Đ có một người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/01/2015 hiện nay sống với bà N. Khi ly hôn, bà N và ông Đ đều có yêu cầu nuôi con. Xét thấy, từ khi bà N và ông Đ không còn sống chung với nhau đến nay thì con chung do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tất cả các chi phí phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của con đều do bà N tự lo, ông Đ cũng không đóng góp chỉ thỉnh thoảng đi thăm con và mua sữa cho con. Hơn nữa, cháu Nguyễn Thị Bích T còn nhỏ, vừa hơn 04 tuổi, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng tốt về mọi mặt cho cháu, không làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu nên cần tiếp tục giao cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Bích N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông Đ trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích N được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

[2] Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Bích N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/01/2015 đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Bích N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Võ Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008944 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà N đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Đông (CNKH số 52, ngày 28/5/2015);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ